

Ngày (Date):...../...../.....

TÊN KHÁCH HÀNG (Customer name in Vietnamese):

TÊN VIẾT TẮT (Short name):

TÊN TIẾNG ANH (Customer name in English):

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH (Headquarter Address):

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH (Current Address):

Thời gian hoạt động tại địa chỉ
(Time at address):GIẤY TỜ ĐỊNH DANH (Identity Type): ĐKKD/ĐKDN (Business License) QĐTL (Establishment License) Khác (Other)

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Mã số thuế (Tax Code): Ngày cấp: Nơi cấp:

Miễn VAT (Y/N) VAT Exempt (Y/N): Cư trú (Y/N) Residence (Y/N)

ĐIỆN THOẠI (Business Phone): FAX (Fax No.)

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH (Main Business):

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP (Full name of Representative)

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Employment Details):

Ngày sinh (Date of birth): Quốc tịch (Nationality): Cư trú (Y/N) Residence(Y/N) CCCD (Citizen ID) CMND (ID) Hộ chiếu (Passport)

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài
(Overseas registered residential Address):

Điện thoại cố định (Business Phone) : ĐTDĐ (Mobile): Hộp thư điện tử (E-mail Address):

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN (Full name of Chief Accountant)

Chức vụ (Position): Nghề nghiệp (Employment Details):

Ngày sinh (Date of birth): Quốc tịch (Nationality): Cư trú (Y/N) Residence(Y/N) CCCD (Citizen ID) CMND (ID) Hộ chiếu (Passport)

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú (Permanent Address):

Địa chỉ liên hệ (Current Address):

Địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài
(Overseas registered residential Address):

Điện thoại cố định (Business Phone) : ĐTDĐ (Mobile): Hộp thư điện tử (E-mail Address):

Doanh thu năm tài chính thời điểm gần nhất (không bắt buộc): Tỷ VND (Bil. VND)

THÔNG TIN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN: (áp dụng trong trường hợp mở CIF cho đơn vị phụ thuộc của pháp nhân)
(Parent enterprise – applicable for opening CIF of enterprise's unit dependent including branches, representative offices)

Tên doanh nghiệp (Enterprise name in Vietnamese):

Mã số thuế (Tax code): Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện pháp luật (Legal Representative):

 CCCD (Citizen ID) CMND (ID) Hộ chiếu (Passport)

Số: Ngày cấp: Nơi cấp:

CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG: (Customer Declaration)Tôi cam đoan rằng mọi thông tin đưa ra tại Đề nghị này đều đúng sự thật và đề nghị Ngân hàng mở hồ sơ thông tin khách hàng cho tôi.
I hereby declare that the information provided on this application is truthful and kindly request the Bank to open the CIF for me.**PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG** (Bank use only)Ngân hàng đồng ý mở CIF theo Giấy đề nghị này
The Bank has agreed to open a CIF as stated in this request**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
Vietcombank's RepresentativesSố CIF:
CIF No

Từ ngày (from date):...../...../.....

Họ và tên /Full Name

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:
Specimen signatures of Representative & authorized Persons:

HO TÊN
Full Name
CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

HO TÊN
Full Name
CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

HO TÊN
Full Name
CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

CHỮ KÝ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Specimen signatures of Chief Accountant & authorized Persons:

HO TÊN
Full Name
Số CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

HO TÊN
Full Name
Số CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

HO TÊN
Full Name
Số CCCD/CMND/HC
ID No./ PP No.
NGÀY CẤP NƠI CẤP
(Date of issue): (Place of issue):
CHỨC VỤ
Title

Chữ ký mẫu thứ nhất <i>(First specimen signature)</i>	Chữ ký mẫu thứ hai <i>(Second specimen signature)</i>
---	---

MẪU DẤU (nếu có)
Specimen Stamp (if any)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU (nếu có)
Representative: signature and stamp (if any)

.....
HỌ VÀ TÊN / *Full Name*

*** Ghi chú (Note):**

- Đối với các tổ chức có tư cách pháp nhân phi thương mại của Việt Nam không có Mã số thuế, thay thế bằng Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Nhà nước (nếu có). *(For Non-commercial juridical persons with no Tax code, collect the Code of organization with relation to State budget)*
- Người đăng ký chữ ký ủy quyền và người được ủy quyền phải là người của tổ chức mở thông tin khách hàng, ngoại trừ tổ chức nước ngoài *(Registrants of authorized signatures and authorized persons must be in the organization, except for foreign organizations)*
- Thời hạn ủy quyền có hiệu lực cho đến khi bên ủy quyền gửi thông báo mới tới VCB về thay đổi ủy quyền hoặc thông báo về người được ủy quyền thời giữ chức vụ tại văn bản ủy quyền và VCB nhận được thông báo đó hoặc thông tin CCCD/CMND/HC của người được ủy quyền hết hiệu lực. *(The authorization is valid until the authorizing party sends notice in written form to VCB to change the authorization or to notify the authorized person to stop holding the position in the authorization document or until the Citizen ID/ID/Passport of the authorized person is invalid)*